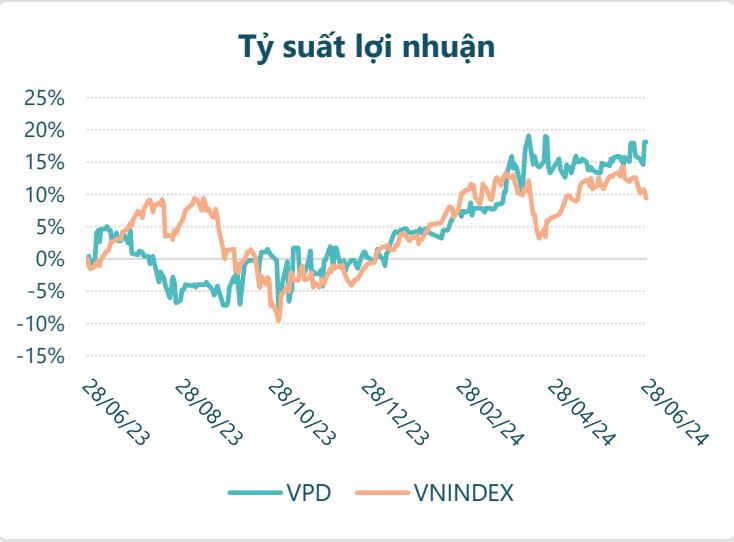


Ngày	26,800 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.0%	6.1%	19.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	20,520 - 26,525
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,857
Số lượng CPLH (CP)	106,589,629
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,175
Sở hữu nước ngoài	31.1%
Beta	0.20
EPS	1,506
P/E	17.8



Doanh thu thuần
Q2/24

107

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.8 | 21.2%

YoY: ▼15.0 | -12.4%

Nợ/VCSH
Q2/24

15.1%

YoY: +/-▲ 1.5%

LN gộp
Q2/24

41.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.3 | 37.3%

YoY: ▼16.2 | -28.0%

ROE (TTM)
Q2/24

10.5%

YoY: +/-▼ 0.6%

LN trước thuế
Q2/24

28.7

tỷ VNĐ

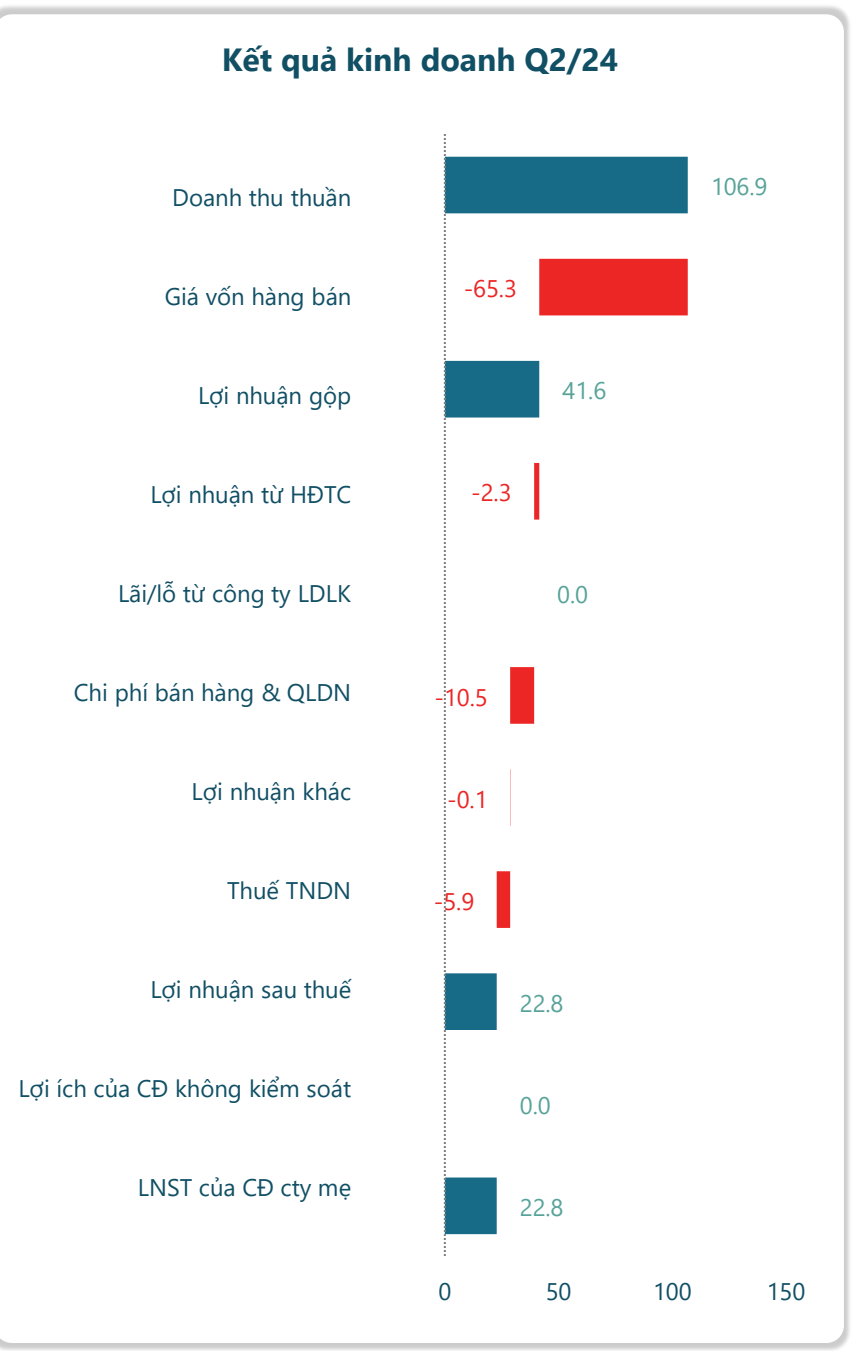
QoQ: ▲ 11.1 | 62.9%

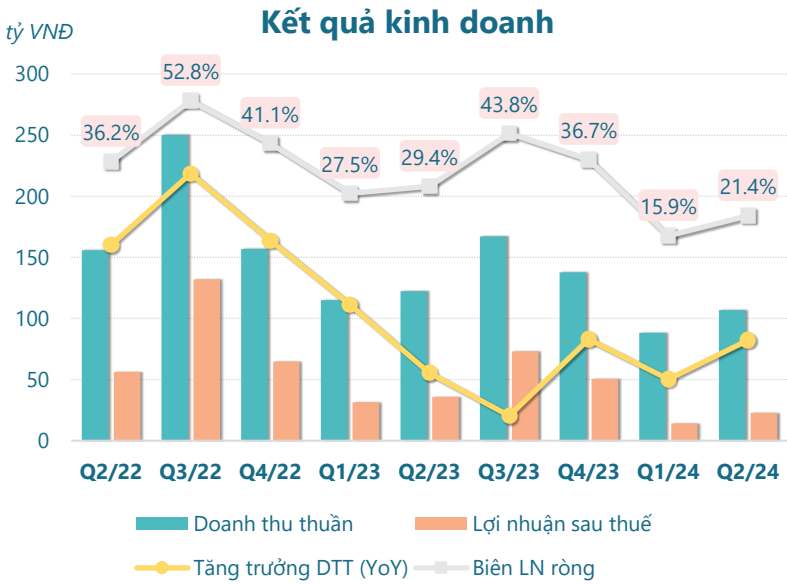
YoY: ▼13.7 | -32.4%

ROA (TTM)
Q2/24

9.0%

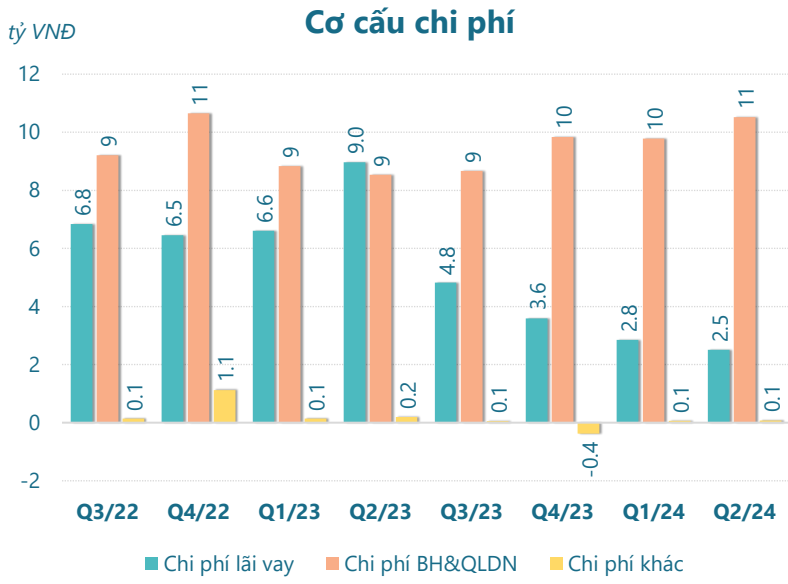
YoY: +/-▼ 0.4%





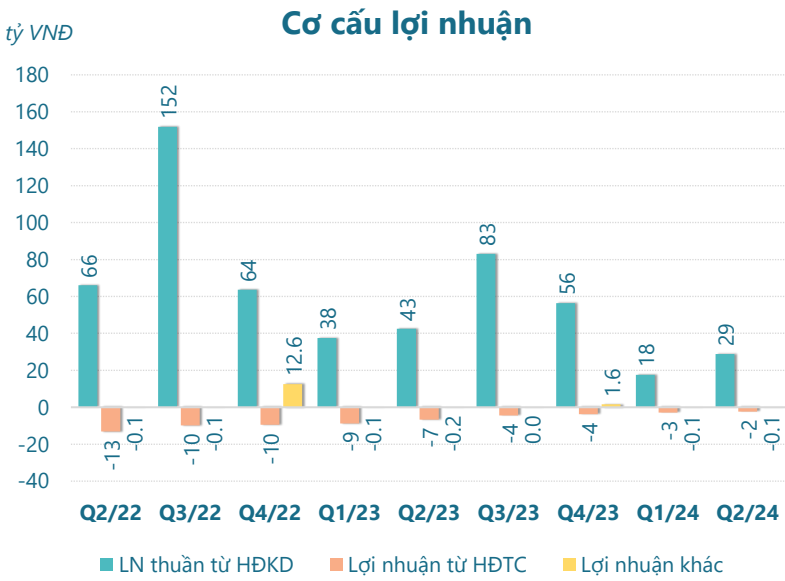
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 28.76 tỷ đồng**, tăng thêm 62.9% so với kỳ trước và thấp hơn 32.5% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 2.32 tỷ đồng** tăng thêm 0.51 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 4.31 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.08 tỷ đồng** giảm đi 0.01 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.11 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VPD** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **106.9 tỷ đồng** giảm đi **12.6%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 22.82 tỷ đồng**, giảm sút **36.6%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **195.0 tỷ đồng** thấp hơn 17.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 37.00 tỷ đồng** thấp hơn 45.6% so với cùng kỳ năm trước.



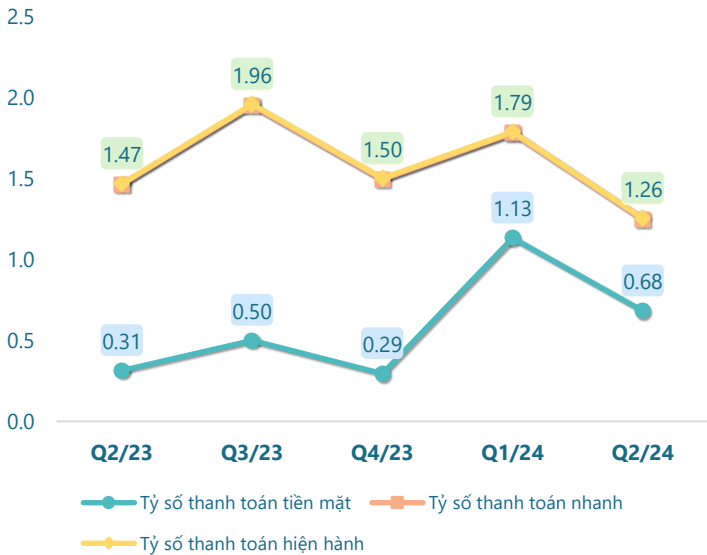
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **2.50 tỷ đồng** giảm đi 12.3% so với kỳ trước và thấp hơn 72.1% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **10.52 tỷ đồng** tăng thêm 7.46% so với kỳ trước và cao hơn 23.2% so với cùng kỳ năm trước.

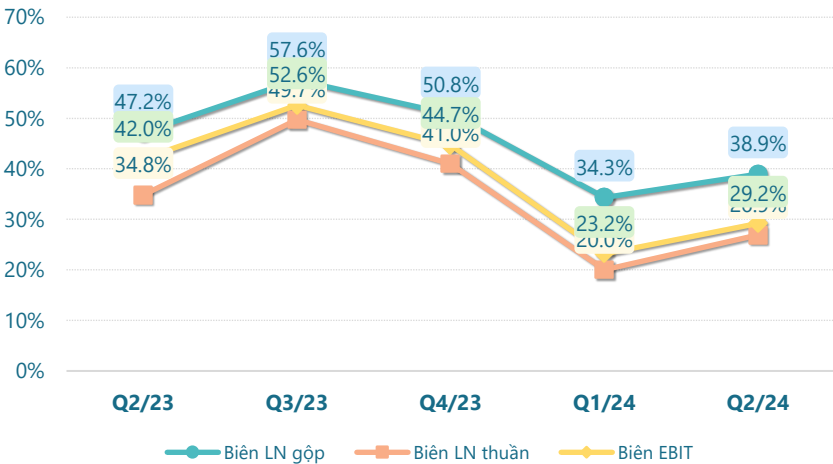
Chi phí khác bằng **0.08 tỷ đồng** tăng thêm 14.3% so với kỳ trước và thấp hơn 60.0% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	107	88.2	21.2%	122	-12.4%	195	237	-17.8%
Giá vốn hàng bán	65.3	57.9	12.7%	64.5	1.2%	123	124	-0.9%
Lợi nhuận gộp	41.6	30.3	37.3%	57.8	-28.0%	71.9	113	-36.4%
Doanh thu HĐTC	0.52	0.36	45.5%	0.09	482%	0.88	0.79	11.4%
Chi phí TC	2.84	3.19	-10.9%	6.72	-57.7%	6.03	16.2	-62.8%
Chi phí lãi vay	2.50	2.85	-12.1%	8.96	-72.0%	5.35	15.6	-65.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	10.5	9.79	7.4%	8.54	23.1%	20.3	17.4	16.8%
LN thuần từ HĐKD	28.8	17.6	63.4%	42.6	-32.5%	46.4	80.1	-42.1%
Lợi nhuận khác	-0.08	-0.07	-14.3%	-0.19	57.9%	-0.15	-0.33	56.4%
LN trước thuế	28.7	17.6	62.9%	42.4	-32.4%	46.3	79.8	-42.0%
Lợi nhuận sau thuế	22.8	14.0	63.0%	36.0	-36.6%	36.8	67.5	-45.4%
LNST của CĐ cty mẹ	22.8	14.0	63.0%	36.0	-36.6%	36.8	67.5	-45.4%

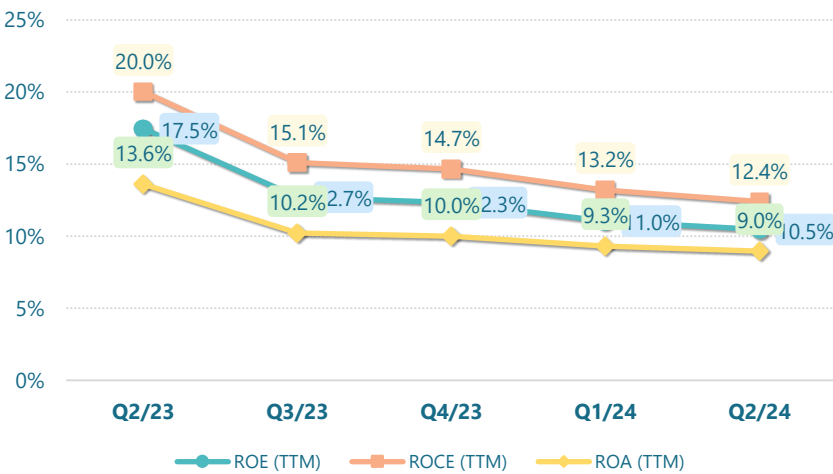
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

